

Số: 60/2026/QĐST- HNGĐ

Hưng Yên, ngày 17 tháng 3 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số 37/2026/TLST - HNGĐ ngày 26 - 01 - 2026 về việc “*Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung*” giữa:

1. Nguyên đơn: chị **Nguyễn Thị T**, sinh năm 2002; Quê quán, trú tại: xã T, huyện K (nay là xã C), tỉnh Hưng Yên; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: đội H, thôn C, xã C, tỉnh Hưng Yên.

2. Bị đơn: anh **Đào Thành Đ**, sinh năm: 2000; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: đội H, thôn C, xã C (trước đây là xã T), tỉnh Hưng Yên

Căn cứ vào các Điều 212, Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ vào các Điều 51, Điều 55, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn Nhân và Gia Đình năm 2014; khoản 3 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số: 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 09 tháng 3 năm 2026.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 09/3/2026 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 7 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Nguyễn Thị T và anh Đào Thành Đ.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T và anh Đào Thành Đ cùng nhất trí thuận tình ly hôn.

2.2. Về con chung: Vợ chồng chị T, anh Đ có 01 con chung là cháu Đào An K, sinh ngày 07/4/2024, hiện đang ở với chị T.

Giao cháu Đào An K, sinh ngày 07/4/2024 cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu K trưởng thành (đủ 18 tuổi). Anh Đ có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu K cho chị T mỗi tháng là 3.500.000đ (ba triệu năm trăm nghìn đồng) kể từ ngày 17/3/2025 cho đến khi cháu K trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Sau khi ly hôn, anh Đ được quyền thăm gặp, chăm sóc con chung, không ai được cản trở; chị T và anh Đ được quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung, đất ruộng nông nghiệp và công sức đóng góp chung với hai bên gia đình: Chị T và anh Đ cùng không yêu cầu Toà án đặt ra giải quyết.

4. Về công nợ: Chị T và anh Đ cùng khẳng định vợ chồng không có công nợ chung.

5. Về án phí: Chị T tự nguyện nhận nộp toàn bộ tiền án phí ly hôn sơ thẩm là 150.000 đồng và nộp thay anh Đ án phí cấp dưỡng nuôi con chung là 150.000 đồng (anh Đ nhất trí). Đồi trừ số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) chị T đã nộp tạm ứng án phí theo Biên lai số: 0000500 ngày 26/01/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Hưng Yên, chị T đã thi hành xong án phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND khu vực 3 - Hưng Yên;
- UBND xã Chí Minh;
- Phòng THADS khu vực 3 - Hưng Yên;
- Thi hành án dân sự tỉnh Hưng Yên
- TAND tỉnh Hưng Yên;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

LÊ TRUNG KIÊN